

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 104/TTr-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15, Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt Chương trình lập pháp năm 2026, Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý (sau đây gọi là dự án Luật) tại Phiên họp thứ 55 ngày 02/3/2026, Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đề ra nhiệm vụ: “Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống trợ giúp pháp lý (TGPL) để người dân dễ tiếp cận pháp luật”; “Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng TGPL, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp; hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống TGPL; mở rộng đối tượng được TGPL phù hợp với điều kiện của đất nước”.

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng “tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, các thiết chế trong lĩnh vực TGPL”.

- Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khoá IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, trong đó có nội dung: “Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh; tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ

nguyên mới yêu cầu: “Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hệ thống dịch vụ pháp lý, hỗ trợ pháp lý, TGPL, đăng ký biện pháp bảo đảm để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật, quản trị rủi ro pháp lý.”; “Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số đồng bộ trong phổ biến, giáo dục pháp luật, TGPL, đăng ký biện pháp bảo đảm”; “Bố trí nguồn ngân sách phù hợp, tương xứng cho công tác tổ chức thi hành pháp luật. Ưu tiên nguồn lực tương xứng cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, TGPL cho đối tượng đặc thù, yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu: “Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân”.

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đã tác động đến mô hình tổ chức và hoạt động của các Trung tâm TGPL nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm.

- Tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp ngày 07/11/2024, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo “Phát huy vai trò của TGPL trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội” (Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng).

- Thời gian qua, một số văn bản pháp luật mới đã được ban hành liên quan đến TGPL như: Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15, Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15, Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau gần 08 năm thi hành Luật TGPL, công tác TGPL đã đi vào nề nếp và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Trên cơ sở quy định của Luật TGPL năm 2017, đến nay đã có 03 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 16 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và 02 Thông tư liên tịch quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật được ban hành.

Về tổ chức thực hiện TGPL, toàn quốc hiện có 42 Trung tâm (trước khi hợp nhất tỉnh có 63 Trung tâm), 70 Chi nhánh của Trung tâm, 04 tổ chức hành nghề luật sư, 02 tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng với Sở Tư pháp; 70 tổ chức đăng ký tham gia TGPL, trong đó có 54 tổ chức hành nghề luật sư, 16 tổ chức tư vấn

pháp luật đăng ký tham gia TGPL với Sở Tư pháp. Tính đến ngày 31/12/2025, cả nước có 1.634 người thực hiện TGPL, trong đó có 740 trợ giúp viên pháp lý, 894 người tham gia TGPL. Trong 08 năm qua, trung bình kinh phí chi cho hoạt động TGPL khoảng 300 tỷ đồng/năm.

Về kết quả thực hiện TGPL, theo báo cáo của các địa phương, tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2025, toàn quốc có 262.147 vụ việc TGPL kết thúc, trong đó, có 163.820 vụ việc tham gia tố tụng, 96.066 vụ việc tư vấn pháp luật, 2.261 vụ việc đại diện ngoài tố tụng. Chất lượng vụ việc TGPL ngày càng được quan tâm, chú trọng. Nhiều vụ việc TGPL tham gia tố tụng được đánh giá là hiệu quả, thành công¹. Thông qua các vụ việc TGPL cụ thể, quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL được bảo vệ, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền tiếp cận công lý và hiện thực hóa chủ trương “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Nội dung về TGPL đã được ghi nhận trong các Chương trình mục tiêu quốc gia². Cùng với việc đổi mới công tác truyền thông giúp người dân hiểu và sử dụng dịch vụ TGPL của Nhà nước, các tổ chức thực hiện TGPL đã tập trung vào thực hiện vụ việc TGPL và nâng cao chất lượng TGPL. Vai trò của người thực hiện TGPL, đặc biệt là trợ giúp viên pháp lý ngày càng được ghi nhận. Người dân đã tin tưởng và lựa chọn trợ giúp viên pháp lý thực hiện vụ việc TGPL³. Những kết quả mà công tác TGPL đạt được trong thời gian qua được Đảng, Nhà nước ghi nhận, đánh giá cao, góp phần “giảm nghèo” về pháp luật và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Luật TGPL năm 2017 còn bộc lộ một số khó khăn, bất cập như sau:

- Về diện người được TGPL, một số nhóm người thuộc chính sách người có công (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ), người nhiễm chất độc da cam, người khuyết tật... thuộc nhóm “đối tượng đặc thù”, gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, nhưng hiện nay phải chứng minh điều kiện khó khăn về tài chính mới thuộc diện được TGPL. Bị hại trong vụ án hình sự thuộc diện được TGPL đang chỉ giới hạn ở nhóm người từ đủ

¹ Từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2024 có 43.938 vụ việc thành công (chiếm 31,5% tổng số vụ việc tham gia tố tụng).

² Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (giai đoạn I 2021 - 2025); Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030. Nội dung về TGPL cũng đã được ghi nhận trong Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030

³ Trong số 43.938 vụ việc thành công, trợ giúp viên pháp lý thực hiện 37.996 vụ việc thành công, chiếm 86% tổng số vụ việc thành công.

16 đến dưới 18 tuổi có khó khăn về tài chính. Bên cạnh đó, một số nhóm người “dễ bị tổn thương” hoặc đang cần trợ giúp nhưng chưa được xác định là người được TGPL. Ví dụ: người dân tộc thiểu số rất ít người; người có khó khăn đột xuất do gặp thiên tai, hỏa hoạn... Ngoài ra, thời gian gần đây, Việt Nam đã ký kết nhiều điều ước quốc tế, trong đó có các Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, quy định việc TGPL cho công dân của bên ký kết điều ước quốc tế với Việt Nam, nhưng Luật TGPL năm 2017 chưa có quy định về nhóm đối tượng này.

- Về trợ giúp viên pháp lý, Luật TGPL quy định tiêu chuẩn của trợ giúp viên pháp lý tương đối phù hợp. Tuy nhiên, các quy định về bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý chưa thật sự chặt chẽ, chưa phù hợp với vai trò và tính chất đặc thù nghề nghiệp TGPL, trong khi trên thực tế, đây là nghề có sự tương đồng với nghề luật sư. Điều này cũng đang làm ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động TGPL và niềm tin của xã hội đối với đội ngũ này.

- Về cộng tác viên TGPL, Luật TGPL năm 2017 đang giới hạn chỉ một số nhóm người có thể trở thành cộng tác viên TGPL gồm: trợ giúp viên pháp lý; thẩm phán, thẩm tra viên ngành Tòa án; kiểm sát viên, kiểm tra viên ngành kiểm sát; điều tra viên; chấp hành viên, thẩm tra viên thi hành án dân sự; chuyên viên làm công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước đã nghỉ hưu. Mặt khác, Luật đang giới hạn và chỉ cho các Trung tâm TGPL ký kết hợp đồng với cộng tác viên ở “vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”. Bên cạnh đó, cộng tác viên TGPL chỉ được thực hiện các vụ việc TGPL theo hình thức tư vấn pháp luật mà không được đại diện ngoài tổ tụng. Các quy định này chưa thu hút được người có trình độ, có năng lực trong xã hội tham gia TGPL, không mở rộng được mạng lưới người thực hiện TGPL ở các địa bàn khác để đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân.

- Về tổ chức thực hiện TGPL, khoản 2 Điều 11 Luật TGPL năm 2017 quy định Chi nhánh của Trung tâm “được thành lập tại các huyện ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, giao thông không thuận tiện đến Trung tâm TGPL nhà nước và chưa có tổ chức hành nghề luật sư hoặc tổ chức tư vấn pháp luật tham gia TGPL” không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương.

- Về vai trò của chính quyền cấp xã, sau khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, cấp xã có quy mô lớn hơn, vị trí, vai trò đã được khẳng định ở tầm cao mới. Tuy nhiên, Luật TGPL năm 2017 chưa có quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp tổ chức công tác TGPL tại địa phương.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo lập, kết nối dữ liệu TGPL là nhu cầu tất yếu, vừa giúp cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu suất, hiệu quả quản lý nhà nước, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân. Tuy nhiên, Luật TGPL năm 2017 chưa có quy định về vấn đề này.

- Luật TGPL năm 2017 có một số quy định về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện TGPL (yêu cầu TGPL, hồ sơ vụ việc TGPL, thời hạn cử người thực hiện TGPL, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý...) chưa phù hợp với định hướng đổi mới tư duy về xây dựng pháp luật hiện nay, đó là luật chỉ quy định những vấn đề chung, vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội; những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì quy định tại văn bản dưới luật để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL năm 2017 là cần thiết, nhằm giải quyết những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành của Luật, nâng cao chất lượng TGPL và đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền được tiếp cận công lý của người dân, đặc biệt là các nhóm “yếu thế” trong xã hội, phù hợp với các chính sách của Đảng và Nhà nước ta về an sinh và công bằng xã hội theo phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau”.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành

Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL nhằm khắc phục một số hạn chế, bất cập của Luật TGPL năm 2017, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận TGPL của người dân, phù hợp với tình hình và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả của công tác TGPL; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số; đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay.

2. Quan điểm xây dựng Luật

a) Thẻ chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối mới của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong đó, cụ thể hóa các chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 49-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách khác của Đảng và Nhà nước.

b) Lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL làm trung tâm, rà soát các đối tượng thuộc diện được TGPL bảo đảm đồng bộ với hệ thống pháp

luật, phù hợp với điều kiện và nguồn lực hiện nay nhằm tăng cường khả năng tiếp cận TGPL của người dân; mở rộng các điều kiện và phạm vi hoạt động của trợ giúp viên pháp lý và cộng tác viên thực hiện TGPL; tổ chức và hoạt động của các tổ chức TGPL phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

c) Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết có liên quan, nhất là các luật, nghị quyết được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam để bảo đảm tính khả thi.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Tổ chức tổng kết 08 năm thi hành Luật TGPL năm 2017⁴; khẩn trương triển khai xây dựng hồ sơ dự án Luật sau khi đề nghị xây dựng Luật được thông qua; tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm, các cuộc họp chuyên sâu với sự tham gia của các chuyên gia trong nước, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan; thành lập Tổ soạn thảo, Tổ giúp việc dự án Luật, tổ chức họp lấy ý kiến thành viên Tổ soạn thảo, Tổ giúp việc.

2. Lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và một số cơ quan, tổ chức khác có liên quan⁵; đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và Cổng Pháp luật quốc gia để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

3. Hồ sơ dự án Luật đã được tổ chức thẩm định theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 29/01/2026 về dự án Luật; giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Luật tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI.

5. Ngày 25/02/2026, Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội đã có Báo cáo số 1663/BC-UBPLTP15 thẩm tra sơ bộ về dự án Luật. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật tại Phiên họp thứ 55 ngày 02/3/2026 và Tổng Thư ký Quốc hội đã có Thông báo số 371/TB-TTKQH ngày 04/3/2026 về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật.

⁴ Báo cáo số 704/BC-BTP ngày 25/11/2025 của Bộ Tư pháp về việc Tổng kết thi hành Luật TGPL.

⁵ Theo Công văn số 7149/BTP-PB&TG ngày 07/11/2025 của Bộ Tư pháp.

6. Chính phủ nghiên cứu, tiếp thu nghiêm túc, tối đa ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội, chỉnh lý dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Quốc hội dự án Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL năm 2017 quy định những nội dung liên quan đến người được TGPL, người thực hiện TGPL, tổ chức thực hiện TGPL, trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan có liên quan trong công tác TGPL.

Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật gồm 03 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL năm 2017 (sửa đổi, bổ sung 21 điều, bãi bỏ 03 điều).

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

a) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

(i) Về nguồn tài chính cho công tác TGPL (khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật)

Dự thảo Luật có quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và triển khai chuyển đổi số trong hoạt động TGPL. Do đó, sửa đổi đoạn 1 khoản 2 Điều 5 như sau “Kinh phí ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về TGPL theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số và pháp luật chuyên ngành có liên quan”.

(ii) Về diện người được TGPL (khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật)

Dự thảo Luật sửa đổi một số diện người được TGPL nhằm bảo đảm tối đa quyền được tiếp cận pháp luật, TGPL cho các đối tượng đặc thù, phù hợp với thông lệ quốc tế, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cụ thể như sau:

Bỏ điều kiện “có khó khăn về tài chính” đối với các nhóm đối tượng: cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi liệt sĩ; người nhiễm chất

độc da cam; người khuyết tật vì các lý do sau: Đây là nhóm đối tượng đặc thù về nhân thân hoặc bị ảnh hưởng về thể chất, tinh thần (nhóm người bị nhiễm chất độc da cam và người khuyết tật). Thực tiễn thời gian qua cho thấy, số lượng những người này không nhiều⁶; số lượng thân nhân người có công và người nhiễm chất độc da cam cũng đang giảm dần theo thời gian. Việc quy định những nhóm này được TGPL mà không yêu cầu điều kiện “có khó khăn về tài chính” là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của đất nước, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành⁷, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên⁸ và các chính sách tri ân người có công, thân nhân người có công của Đảng, Nhà nước, cũng như chủ trương “mở rộng đối tượng được TGPL phù hợp với điều kiện của đất nước” tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Việc quy định TGPL cho người khuyết tật, không giới hạn ở điều kiện có khó khăn về tài chính phù hợp kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi làm việc với Đảng uỷ Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với người khuyết tật⁹. Mở rộng TGPL cho tất cả người thuộc hộ cận nghèo; người hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là người nhiễm HIV, người cao tuổi, người bị bạo lực gia đình trong vụ việc bạo lực gia đình.

(iii) Về người thực hiện TGPL (khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 1 dự thảo Luật).

- Về người có thể trở thành cộng tác viên TGPL: mở rộng thêm nhóm người nghỉ hưu là người giữ hạng, ngạch chuyên viên trở lên làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận; bổ sung nhóm viên chức nhà nước có bằng cử nhân luật, có kinh nghiệm làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nơi làm việc để thu hút nguồn lực có trình độ, có kinh nghiệm làm công tác pháp luật tham gia TGPL theo tinh thần Nghị quyết 66-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đồng thời, dự thảo Luật không giới hạn địa bàn sử dụng cộng tác viên. Việc sửa đổi này giúp mở rộng nhóm người có thể

⁶ Số thân nhân người có công với cách mạng khoảng 500.000 người; ước tính 40% số này có khó khăn về tài chính (200.000 người). Do đó số thân nhân người có công tăng lên là: 300.000 người.

- Theo Báo cáo của Hiệp hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam lần thứ V năm 2023, số người nhiễm chất độc màu da cam là 4,8 triệu người; trong đó 70% có hoàn cảnh khó khăn. Ước tính người bị nhiễm chất độc da cam có khó khăn về tài chính là 3.360.000 người.

- Theo báo cáo của Ủy ban quốc gia về Người khuyết tật, hiện có khoảng 8 triệu người khuyết tật. Trong đó có khoảng 2 triệu trẻ em khuyết tật, 1,7 triệu người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; 800 nghìn người khuyết tật thuộc hộ nghèo và cận nghèo. Do đó, số người khuyết tật tăng thêm so với Luật hiện nay là 3,5 triệu người.

⁷ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, Luật Người khuyết tật.

⁸ Công ước của Liên Hợp quốc về quyền của người khuyết tật quy định: “Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp cần thiết để giúp người khuyết tật tiếp cận với sự trợ giúp mà họ có thể cần đến khi thực hiện năng lực pháp lý của mình” (khoản 3 Điều 12).

⁹ Thông báo số 444-TB/VPTW ngày 05/12/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng

trở thành cộng tác viên TGPL, nâng cao chất lượng hoạt động và khắc phục bất cập hiện nay là có rất ít cộng tác viên TGPL¹⁰.

- Bên cạnh đó, sửa đổi quy định về cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý theo hướng thẻ được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hư hỏng hoặc bị thu hồi do trợ giúp viên pháp lý chuyển công tác đến Trung tâm TGPL thuộc địa phương khác. Vì thẻ trợ giúp viên pháp lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp và quản lý trong phạm vi địa phương, khi trợ giúp viên pháp lý chuyển công tác sang địa phương khác và vẫn làm trợ giúp viên pháp lý thì cần thu hồi thẻ ở nơi đã công tác và cấp thẻ ở nơi công tác mới.

(iii) Về tổ chức thực hiện TGPL (khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật)

Sửa đổi quy định thành lập Chi nhánh của Trung tâm TGPL nhà nước theo hướng không giới hạn việc chỉ được thành lập “tại các huyện ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, giao thông không thuận tiện đến Trung tâm TGPL nhà nước và chưa có tổ chức hành nghề luật sư hoặc tổ chức tư vấn pháp luật tham gia TGPL”. Việc sửa đổi này phù hợp với chủ trương phân quyền cho địa phương, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (không còn cấp huyện), nhiều địa phương hợp nhất tỉnh, hợp nhất xã nên có quy mô rộng và điều kiện kinh tế - xã hội khác với trước đây. Do vậy, cần tạo điều kiện để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động quyết định địa bàn đặt Chi nhánh phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế tại địa phương, qua đó góp phần nâng cao trách nhiệm của địa phương.

(iv) Về từ chối thụ lý yêu cầu TGPL (khoản 8 Điều 1 dự thảo Luật)

Bổ sung quy định từ chối thụ lý yêu cầu TGPL trong trường hợp “Yêu cầu TGPL đã được giải quyết và không phát sinh tình tiết mới” (điểm b khoản 8 Điều 1), vì trong thực tế nhiều trường hợp người thuộc diện TGPL đã được TGPL, các cơ quan có liên quan đã giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật, nhưng kết quả không như mong muốn của người được TGPL nên họ vẫn yêu cầu TGPL lại nhiều lần.

(v) Về vụ việc TGPL tham gia tố tụng (khoản 9 Điều 1 dự thảo Luật)

Bổ sung “người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp” cũng là diện đối tượng khi có yêu cầu TGPL thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; cơ quan, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm TGPL.

(vi) Một số nội dung sửa đổi khác

¹⁰ Theo báo cáo của các địa phương, hiện tại có 22 cộng tác viên TGPL.

Sửa tên Điều 30 dự thảo Luật thành “Yêu cầu, thụ lý vụ việc TGPL” và sửa tên Điều 35 dự thảo Luật thành “Chuyên yêu cầu, vụ việc TGPL” để phù hợp với nội dung của Điều này.

b) Nội dung bổ sung

(i) Về diện người được TGPL (khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật)

- Bổ sung người dân tộc thiểu số thuộc dân tộc rất ít người nhằm thực hiện toàn diện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước;

- Bổ sung người có khó khăn đột xuất do gặp thiên tai, hỏa hoạn được TGPL trong vụ việc liên quan trực tiếp đến khắc phục hậu quả xảy ra với họ bởi các sự kiện này;

- Bổ sung cá nhân bị thiệt hại mà không thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

- Bổ sung “Người nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định được TGPL” nhằm nội luật hóa cam kết về bảo đảm quyền được TGPL trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đúng quy định của Luật Điều ước quốc tế¹¹. Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam thì người nước ngoài là công dân nước ngoài và người không quốc tịch thường trú hoặc tạm trú ở Việt Nam. Như vậy, quy định này thống nhất với điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật Phòng, chống mua bán người có quy định về quyền được TGPL của người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam.

(ii) Về người thực hiện TGPL (khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 1 dự thảo Luật)

- Với trợ giúp viên pháp lý: Bổ sung các trường hợp không được bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý tương đồng với quy định của Luật Luật sư, bảo đảm chặt chẽ về điều kiện bổ nhiệm, góp phần khẳng định vị thế của trợ giúp viên pháp lý, bao gồm các trường hợp: đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý kể cả trường hợp đã được xóa án tích. Bổ sung trường hợp trợ giúp viên pháp lý bị miễn nhiệm khi bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

¹¹ Khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 quy định: “Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp”.

- Với cộng tác viên TGPL:

+ Bổ sung một số trường hợp bị thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL như: không còn đủ tiêu chuẩn cộng tác viên TGPL; thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại điểm a, b, đ, e khoản 1 Điều 6 của Luật TGPL hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động TGPL nhưng chưa đến mức bị thu hồi thẻ mà tiếp tục có hành vi vi phạm; hợp đồng thực hiện TGPL bị chấm dứt; không ký hợp đồng thực hiện TGPL với Trung tâm TGPL trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị ký hợp đồng với Trung tâm mà không có lý do chính đáng; bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc đối với cộng tác viên TGPL là viên chức; bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Đây là nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của Luật nên cần quy định ở Luật (hiện nay một số trường hợp đang được quy định tại Nghị định số 144/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

- Bổ sung quy định cộng tác viên TGPL được thực hiện vụ việc đại diện ngoài tổ tụng theo quy định của pháp luật¹².

(iii) Về phạm vi thực hiện TGPL (khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật)

Bổ sung phạm vi thực hiện TGPL của Trung tâm TGPL đối với vụ việc do Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh, thành phố khác chuyển đến khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tại địa phương tiếp nhận, giải quyết nhằm tạo điều kiện cho việc thực hiện vụ việc TGPL kịp thời, hiệu quả, giảm bớt thời gian và chi phí đi lại. Tuy vậy, các Trung tâm TGPL sẽ lưu ý thủ tục bàn giao hồ sơ vụ việc TGPL.

(iv) Về trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác TGPL

Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và triển khai chuyển đổi số trong hoạt động TGPL; xây dựng, quản lý, vận hành và thường xuyên nâng cấp hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu TGPL; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu TGPL với Công Pháp luật quốc gia (điểm b khoản 16 Điều 1). Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc “tạo lập, tích hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu TGPL trên Công Pháp luật quốc gia” (điểm c, điểm d khoản 16 Điều 1).

¹² Luật TGPL năm 2017 quy định cộng tác viên chỉ được thực hiện tư vấn pháp luật.

Sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số đã đặt ra yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu TGPL nhằm thay thế hệ thống hiện có với nhiều tính năng mới, đáp ứng nhu cầu quản lý tổ chức và hoạt động TGPL trong điều kiện mới và kế thừa dữ liệu của phần mềm hiện có. Việc quy định đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, chuyển đổi số trong TGPL và xây dựng, quản lý, vận hành và thường xuyên nâng cấp hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu TGPL; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu TGPL trên Cổng Pháp luật quốc gia sẽ giúp thu thập, quản lý, khai thác hiệu quả thông tin trong lĩnh vực TGPL, nhằm kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan quản lý nhà nước; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động TGPL.

(v) Về trách nhiệm của cơ quan có liên quan đến hoạt động TGPL trong tố tụng (khoản 17 Điều 1 dự thảo Luật)

Bổ sung trách nhiệm phối hợp thực hiện cơ chế liên ngành, trực TGPL tại tòa án nhân dân và trong điều tra hình sự nhằm nâng cao trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm người thuộc diện TGPL được tiếp cận TGPL từ sớm, từ xa. Đồng thời, giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính phối hợp quy định chi tiết nội dung này để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện. Ngoài ra, bổ sung quy định cơ quan có liên quan đến hoạt động TGPL trong tố tụng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tạo lập, tích hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu TGPL trên Cổng Pháp luật quốc gia .

(vi) Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác TGPL

Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã “phối hợp với Trung tâm TGPL nhà nước trong việc triển khai thực hiện công tác TGPL trên địa bàn” nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp chính quyền cơ sở trong việc giúp người dân, nhất là nhóm yếu thế kịp thời tiếp cận và sử dụng TGPL, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ (điểm đ khoản 16 Điều 1).

(vii) Về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Bổ sung trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình giám sát thực hiện chính sách, pháp luật TGPL và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác TGPL theo quy định của pháp luật (khoản 18 Điều 1).

(viii) Về điều khoản chuyển tiếp

Dự thảo Luật quy định việc chuyển tiếp đối với trợ giúp viên pháp lý đã được bổ nhiệm, cấp thẻ trước thời điểm Luật có hiệu lực, theo đó các trường hợp này được tiếp tục hoạt động theo quy định của Luật.

c) Nội dung lược bỏ

- Bãi bỏ nhiệm vụ thẩm định, đánh giá chất lượng vụ việc TGPL của Bộ Tư pháp tại điểm e khoản 2 Điều 40 Luật TGPL năm 2017 và bổ sung quy định về “đánh giá chất lượng, hiệu quả vụ việc TGPL” tại điểm c khoản 2 Điều 40 Luật TGPL 2017 để bảo đảm tính thống nhất.

- Bãi bỏ nhiệm vụ thanh tra trong hoạt động TGPL tại điểm g khoản 2 Điều 40 Luật TGPL 2017 để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp.

- Bãi bỏ Điều 23 (các trường hợp thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý đã được đưa vào khoản 4 Điều 1, các quy định về trình tự, thủ tục được giao Chính phủ quy định chi tiết), Điều 28 (địa điểm tiếp người được TGPL là các hoạt động mang tính nghiệp vụ sẽ được Bộ Tư pháp hướng dẫn), Điều 29 (yêu cầu TGPL được quy định tại Điều 30).

- Bãi bỏ khoản 2, 4 Điều 21, khoản 3, 4 Điều 22, khoản 2 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 31, khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 33, khoản 2 và khoản 3 Điều 34, khoản 3 Điều 36, khoản 2 Điều 38 là các nội dung về trình tự, thủ tục, hồ sơ được sửa đổi theo hướng giao Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết.

d) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

Dự thảo Luật bãi bỏ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại khoản 2, 4 Điều 21; khoản 3, 4 Điều 22; khoản 2, 3, 4, 5 Điều 23; Điều 29; khoản 2, khoản 3 Điều 34; khoản 2 Điều 38 và giao Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 21, Điều 22 Điều 24 và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết Điều 34, Điều 38; đồng thời sửa đổi các nội dung quy định về thời hạn cụ thể thực hiện các thủ tục, trình tự, hồ sơ tại khoản 2, khoản 3 Điều 31; khoản 2 Điều 36; khoản 2, khoản 3 Điều 45 nhằm phù hợp với chỉ đạo “cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền nhưng không được đặt thêm thủ tục hành chính, phát sinh thêm giấy phép con so với hiện hành” tại Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật và Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

đ) Nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật bỏ quy định về điều kiện địa bàn thành lập Chi nhánh của Trung tâm TGPL nhà nước ở các huyện ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc

biệt khó khăn, giao thông không thuận tiện, chưa có tổ chức hành nghề luật sư hoặc tổ chức tư vấn pháp luật tham gia TGPL, nhằm phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Đồng thời, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương để quyết định việc thành lập và địa bàn đặt Chi nhánh của Trung tâm, nhằm trao quyền mạnh mẽ hơn cho địa phương chủ động quyết định thành lập Chi nhánh, thực hiện triệt để nguyên tắc "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm".

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực và nguồn kinh phí để triển khai thi hành Luật

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL được ban hành, dự kiến kinh phí tổ chức triển khai thi hành luật được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của bộ, cơ quan Trung ương và địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Mặc dù việc sửa đổi theo hướng mở rộng diện người được TGPL như trên, nhưng chi phí ngân sách nhà nước có thể phải chi trả không lớn. Theo ước tính, khi sửa đổi, bổ sung diện người được TGPL sẽ phát sinh khoảng gần 12.000 vụ việc/năm. Hiện có hơn 1.600 người thực hiện TGPL. Như vậy, trung bình mỗi người thực hiện TGPL đảm nhận thêm khoảng 07 vụ/năm/người, không yêu cầu bổ sung nhiều biên chế người thực hiện TGPL hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Hiện nay, kinh phí chi trả vụ việc TGPL là 3,25 triệu đồng/vụ. Do đó, ước tính kinh phí chi trả thực hiện số vụ việc này là khoảng 39 tỷ đồng/năm (trung bình 1,15 tỷ đồng/tỉnh/năm). Đây là chi phí trực tiếp cho thực hiện TGPL (chi trả thù lao cho luật sư, người thực hiện TGPL khác, chi phí đi lại, công tác phí...), không phát sinh quá nhiều chi phí hành chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và chi phí gián tiếp khác.

Trong bối cảnh cả nước thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực hiệu quả thì các Trung tâm TGPL cố gắng không tăng biên chế. Việc thành lập Chi nhánh (nếu có) sẽ sử dụng trong số biên chế hiện có. Khi hợp nhất tỉnh, nhiều tỉnh Chi nhánh sử dụng trụ sở của Trung tâm TGPL đã được hợp nhất, một số Chi nhánh sử dụng trụ sở của Phòng Tư pháp trước đây hoặc trụ sở của các Hội, đoàn thể mà không yêu cầu xây dựng trụ sở mới. Trong thời gian tới, nếu thành lập thêm chi nhánh thì có thể sẽ phát sinh chi phí trang thiết bị bàn, ghế, điện nước... không đáng kể.

Dự kiến kinh phí thường xuyên cho hoạt động TGPL sau khi Luật có hiệu lực là khoảng 389 tỷ đồng (tăng 39 tỷ đồng so với năm 2025). Theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, dự kiến chi ngân sách nhà nước là 3.159.106 tỷ đồng, kinh phí TGPL chiếm tỷ lệ rất thấp (khoảng 0,0123%) trong dự toán chi ngân sách nhà nước. Như vậy, ngân sách nhà nước đủ khả năng đáp ứng cho công tác TGPL theo phương án Chính phủ đề xuất và phù hợp xu hướng phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số cho hoạt động TGPL: Hiện các báo cáo công tác TGPL của địa phương chưa thể hiện rõ kinh phí cấp cho hoạt động công nghệ thông tin. Ở Trung ương, hiện nay Bộ Tư pháp đang xây dựng Hệ thống thông tin TGPL (nguồn vốn đầu tư công 68,169 tỷ đồng) và sẽ triển khai hoạt động từ năm 2027. Mục tiêu của dự án là thu thập, quản lý, khai thác hiệu quả thông tin trong lĩnh vực TGPL nhằm kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động TGPL, phù hợp với định hướng xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật

a) Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL được ban hành, Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và các biện pháp thi hành Luật, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn những nội dung được giao và những nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

b) Tổ chức thi hành Luật sau khi ban hành

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc triển khai tổ chức thực hiện Luật;
- Tham mưu, giúp Chính phủ xây dựng văn bản quy định chi tiết Luật;
- Kiểm tra, theo dõi thi hành Luật, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

Ủy ban nhân dân các cấp: Bố trí nguồn lực để thực hiện các quy định trong Luật. Ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc

lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn lực bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

3. Thời gian dự kiến trình thông qua

Theo Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, căn cứ vào quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI (tháng 4/2026).

Trên đây là Tờ trình về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo tổng kết thi hành Luật TGPL; (3) Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến Dự thảo Luật; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc; (5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (6) Bản so sánh Dự thảo Luật với Luật TGPL năm 2017; (7) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (8) Báo cáo thẩm định; (9) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (10) Bản nghiên cứu kinh nghiệm TGPL nước ngoài; (11) Báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: TH, QHĐP, NC, KGVX, KTTH;
- Lưu: VT, PL(3)

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**



Nguyễn Hải Ninh